

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 115/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 21-9-2018

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Thanh;

- Ông Nguyễn Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2018/QĐXX-ST ngày 24 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Khánh N**, sinh năm 1984; thường trú tại: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang; tạm trú tại: Số 2A4, B, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Dương Văn K**, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Khánh N trình bày: Hôn nhân giữa chị và anh Dương Văn K thông qua người khác giới thiệu làm mai, sau đó chị và anh K có tìm hiểu khoảng 06 tháng thì tổ chức đám cưới. Chị và anh K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MTT, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 26-4-2013, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2013, Quyền số 01/2013. Sau khi kết hôn, chị về sống tại gia đình bên chồng ở ấp H, xã N, huyện C. Khi đó, anh K làm ở Công an thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Đến khoảng đầu năm 2014 thì anh K chuyển công tác về công tác tại Công an thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Khi còn làm ở Mỹ Tho thì anh K còn về nhà với chị 02 tuần một lần, còn khi chuyển về thị xã Cai Lay thì anh K rất ít khi về nhà mặc dù từ nơi làm việc về nhà không xa.

Chị có gọi điện thoại hỏi thăm anh K nhưng nhiều lần anh K không nghe, điều đó đã chứng tỏ anh K không quan tâm đến chị mà không phải vì công việc bận rộn. Đến đầu năm 2015, chị về nhà mẹ ruột của chị ở Vĩnh Long sinh sống. Từ tháng 5-2015 đến nay, chị đã đi Thành phố Hồ Chí Minh làm việc nên vợ chồng đã sống ly thân nhau. Cũng từ khi chị về Vĩnh Long đến nay, vợ chồng có gặp nhau được vài lần nhưng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, anh K không còn quan tâm, hỏi thăm gì đến chị. Nay chị N hận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với anh K.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù anh Dương Văn K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh K không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Khánh N và anh Dương Văn K tranh chấp về ly hôn; anh K hiện cư trú trên địa bàn huyện Cai Lậy. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Bị đơn, anh Dương Văn K không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; chị Nguyễn Thị Khánh N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đơn của chị N làm hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh K, chị N.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Khánh N và anh Dương Văn K là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã MTT, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị N sống hạnh phúc được một thời gian thì anh K không còn quan tâm đến chị N nữa, qua thời gian thì anh K ngày càng ít quan tâm đến chị. Cụ thể là từ đầu năm 2015 đến nay, chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, chị N đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh nhưng anh K cũng không còn quan tâm đến chị N, vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Dù các tình tiết này chỉ do phía chị N nêu ra, nhưng phía anh K không có ý kiến gì phản đối là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Anh K không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị N, cũng như hàn gắn tình cảm

vợ chồng nếu như còn yêu thương vợ nên xem như anh K đã không còn quan tâm đến hôn nhân của vợ chồng. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” và “vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị N và anh K đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ.

[4] Về con chung, nợ chung, tài sản chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Dương Văn K cũng không có ý kiến gì về các vấn đề này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Khánh N là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Khánh N. Cho chị Nguyễn Thị Khánh N được ly hôn với anh Dương Văn K.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Khánh N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 15735 ngày 05-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như chị N đã thi hành xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã MTT, huyện T, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thực